

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA ĐƠN VỊ

Năm 2025

Loại tài sản cố định: Máy vi tính để bàn (Phổ biến)

STT	Chứng từ		Ghi tăng tài sản cố định						Khấu hao, hao mòn tài sản cố định						Ghi giảm TSCĐ			
			Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Số hiệu TSCĐ	Thẻ TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Hao mòn		Tổng số khấu hao, hao mòn phát sinh trong năm	Giá trị khấu hao, hao mòn lũy kế	Chứng từ		Lý do ghi giảm TSCĐ	Giá trị còn lại của TSCĐ
	Số hiệu	Ngày, tháng							Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị			Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	D	E	G	H	I	l	2	3	4	5	6=3+5	7	K	L	M	8
1	GT0062	01/07/2025	Máy tính để bàn		07/2025		T28297 053	16.100.000			20,00			16.100.000				
2	GT0043	01/12/2025	Máy tính để bàn		12/2025		T28297 054	17.250.000			20,00	3.450.000	3.450.000	6.900.000				
3	GT0063	01/07/2025	Máy tính để bàn		07/2025		T28297 055	11.960.000			20,00	2.392.000	2.392.000	7.176.000				
4	GT0064	01/07/2025	Máy tính để bàn		07/2025		T28297 056	15.000.000			20,00			15.000.000				
5	GT0065	01/07/2025	Náy tính để bán		07/2025		T28297 057	10.000.000			20,00			10.000.000				
6	GT0066	01/07/2025	Máy tính đề bàn		07/2025		T28297 058	20.000.000			20,00			20.000.000				
7	GT0072	01/07/2025	Máy tính để bàn		07/2025		T28297 059	17.250.000			20,00	3.450.000	3.450.000	6.900.000				
8	GT0073	01/07/2025	Máy tính để bàn		07/2025		T28297 061	15.000.000			20,00			15.000.000				
Cộng								122.560.000				9.292.000	9.292.000	97.076.000				

Đơn vị: Phòng Kinh tế xã Trường Tân
Mã QHNS: 1144735

- Sổ này có 4 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 4
- Ngày mở sổ:

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, họ tên)

Vũ Thị Út

KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

Vũ Thị Út

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sơn

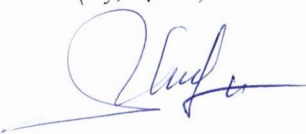
SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA ĐƠN VỊ

Năm 2025

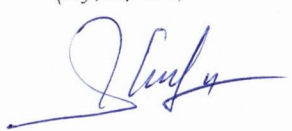
Loại tài sản cố định: Bộ bàn ghế tiếp khách (Phổ biến)

STT	Chứng từ		Ghi tăng tài sản cố định						Khấu hao, hao mòn tài sản cố định						Ghi giảm TSCĐ			
			Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Số hiệu TSCĐ	Thẻ TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Hao mòn		Tổng số khấu hao, hao mòn phát sinh trong năm	Giá trị khấu hao, hao mòn lũy kế	Chứng từ		Lý do ghi giảm TSCĐ	Giá trị còn lại của TSCĐ
	Số hiệu	Ngày, tháng							Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị			Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	D	E	G	H	I	1	2	3	4	5	6=3+5	7	K	L	M	8
1	GT0067	01/07/2025	Bộ bàn ghế tiếp khách		07/2025		T28297060	25.000.000			12,50			25.000.000				
Cộng								25.000.000						25.000.000				

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1
- Ngày mở sổ:

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, họ tên)


Vũ Thị Út

KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)


Vũ Thị Út

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)


Nguyễn Văn Sơn

Đơn vị: Phòng Kinh tế xã Trường Tân
Mã QHNS: 1144735

- Sổ này có 2 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 2
- Ngày mở sổ:

NGƯỜI LẬP SỔ

(Ký, họ tên)



Vũ Thị Út

KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)



Vũ Thị Út

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sơn

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA ĐƠN VỊ

Năm 2025

Loại tài sản cố định: Các vật kiến trúc khác

STT	Chứng từ		Ghi tăng tài sản cố định						Khấu hao, hao mòn tài sản cố định						Ghi giảm TSCĐ			
			Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Số hiệu TSCĐ	Thẻ TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Hao mòn		Tổng số khấu hao, hao mòn phát sinh trong năm	Giá trị khấu hao, hao mòn lũy kế	Chứng từ		Lý do ghi giảm TSCĐ	Giá trị còn lại của TSCĐ
	Tỷ lệ %	Giá trị							Tỷ lệ %	Giá trị	Số hiệu	Ngày, tháng						
A	B	C	D	E	G	H	I	1	2	3	4	5	6=3+5	7	K	L	M	8
1	GT0078	01/07/2025	Mái tôn, bê tông nền chợ rộng		07/2025		T28297032	816.801.000			10,00	81.680.100	81.680.100	408.400.500				
2	GT0075	01/07/2025	Quán chợ		07/2025		T28297033	412.986.000			10,00			412.986.000				
3	GT0049	01/07/2025	Mái vòm chợ Bông (Mới)		01/2024		T28297034	10.960.650.000			10,00	1.096.065.000	1.096.065.000	3.288.195.000				
4	GT0070	01/07/2025	Lán cửa hàng chợ bông (Cũ)		01/1985		T28297035	87.567.000			10,00			87.567.000				
5	GT0050	01/07/2025	Lán chợ Bông (cũ)		01/1979		T28297036	131.874.000	10,00		10,00			131.874.000				
Cộng								12.409.878.000				1.177.745.100	1.177.745.100	4.329.022.500				

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1
- Ngày mở sổ:

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, họ tên)



Vũ Thị Út

KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)



Vũ Thị Út

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Sơn

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA ĐƠN VỊ

Năm 2025

Loại tài sản cố định: Đường xá

STT	Chứng từ		Ghi tăng tài sản cố định						Khấu hao, hao mòn tài sản cố định						Ghi giảm TSCĐ			
			Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Số hiệu TSCĐ	Thẻ TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Hao mòn		Tổng số khấu hao, hao mòn phát sinh trong năm	Giá trị khấu hao, hao mòn lũy kế	Chứng từ		Lý do ghi giảm TSCĐ	Giá trị còn lại của TSCĐ
	Tỷ lệ %	Giá trị							Tỷ lệ %	Giá trị	Số hiệu	Ngày, tháng						
A	B	C	D	E	G	H	I	1	2	3	4	5	6=3+5	7	K	L	M	8
1	GT0037	01/07/2025	Cải tạo đường huyện 20C huyện Gia Lộc; đoạn từ Km1+580-Km2+080 (từ ngã tư Đông Trại đến giáp địa phận xã Nhật Tân)		01/2025		T28290751	4.281.389.000			2,50	107.034.725	107.034.725	214.069.450				
2	GT0051	01/07/2025	Đường 20C		07/2025		T28297037	59.493.861.000			2,50	1.487.346.525	1.487.346.525	20.822.851.350				
3	GT0053	01/07/2025	Tuyến đường trục xã Đức Xương (cải tạo các điểm đen về an toàn giao thông)		01/2020		T28297039	1.520.049.000	5,00		2,50	38.001.225	38.001.225	266.008.575				
4	GT0074	01/07/2025	Đường giao thông thôn Đông Hào (Đoạn từ 38B vào ngã ba ông Tộc)		07/2025		T28297040	2.392.015.000			2,50	59.800.375	59.800.375	418.602.625				
5	GT0055	01/07/2025	Đường giao thông ngã tư UBND xã Đức Xương cũ (giai đoạn 2)(Cải tạo mở rộng nút giao thông)		01/2020		T28297041	850.893.000			2,50	21.272.325	21.272.325	148.906.275				

STT	Chứng từ		Ghi tăng tài sản cố định						Khấu hao, hao mòn tài sản cố định						Ghi giảm TSCĐ			
	Số hiệu	Ngày, tháng	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Số hiệu TSCĐ	Thẻ TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Hao mòn		Tổng số khấu hao, hao mòn phát sinh trong năm	Giá trị khấu hao, hao mòn lũy kế	Chứng từ		Lý do ghi giảm TSCĐ	Giá trị còn lại của TSCĐ
									Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị			Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	D	E	G	H	I	1	2	3	4	5	6=3+5	7	K	L	M	8
6	GT0056	01/07/2025	Đường giao thông ngã tư UBND xã Đức Xương cũ (giai đoạn 1)(cải tạo nút giao thông)		01/2020		T28297042	975.491.000			2,50	24.387.275	24.387.275	170.710.925				
7	GT0057	01/07/2025	Đường giao thông Hậu Bông đi Đỗ Xuyên		07/2025		T28297043	7.659.301.000			2,50	191.482.525	191.482.525	1.340.377.675				
8	GT0058	01/07/2025	Đường trục xã Đức Xương đoạn từ km0+157 đến km0+884,93 (Cải tạo, nâng cấp)		07/2025		T28297044	14.406.821.000			2,50	360.170.525	360.170.525	2.161.023.150				
9	GT0060	01/07/2025	Đường Giao thông nội đồng khu sản xuất nhà màng nhà lưới, xứ đồng nghĩa trang xã Phạm Trấn		01/2022		T28297046	1.636.827.157			2,50	40.920.679	40.920.679	204.603.395				
10	GT0061	01/07/2025	Cải tạo nâng cấp đường Giao Thông trục chính tại các thôn (Côi Thượng, Côi Hạ, Cầu Lâm) xã Phạm Trấn		01/2023		T28297047	3.860.649.406			2,50	96.516.235	96.516.235	386.064.940				
11	GT0039	01/07/2025	Cải tạo nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Đồng Quang, huyện Gia Lộc		01/2025		T28297048	12.528.207.659			2,50	313.205.191	313.205.191	626.410.382				

STT	Chứng từ		Ghi tăng tài sản cố định						Khấu hao, hao mòn tài sản cố định						Ghi giảm TSCĐ			
									Khấu hao		Hao mòn		Tổng số khấu hao, hao mòn phát sinh trong năm	Giá trị khấu hao, hao mòn lũy kế	Chứng từ		Lý do ghi giảm TSCĐ	Giá trị còn lại của TSCĐ
	Số hiệu	Ngày, tháng	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Số hiệu TSCĐ	Thẻ TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị			Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	D	E	G	H	I	1	2	3	4	5	6=3+5	7	K	L	M	8
12	GT0040	01/07/2025	Cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng của vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc		01/2025		T28297049	4.258.344.844			2,50	106.458.621	106.458.621	212.917.242				
13	GT0041	01/07/2025	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 20C huyện Gia Lộc; đoạn từ Km0+130 - Km1+130 (từ giáp cổng Đôn đến điểm bưu điện văn hóa xã Đông Quang)		01/2025		T28297050	13.015.692.000			2,50	325.392.300	325.392.300	650.784.600				
14	GT0042	01/07/2025	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Đức Xương đoạn từ ngã tư bưu điện đến trạm biến áp thôn An Cư 2		01/2025		T28297052	13.910.257.860			2,50	347.756.446	347.756.446	695.512.892				
15	GT0068	01/07/2025	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 1		01/2019		T2897038	21.324.873.000	5,00		2,50	533.121.825	533.121.825	4.264.974.600				
Cộng								162.114.671.926				4.052.866.797	4.052.866.797	32.583.818.076				

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA ĐƠN VỊ

Năm 2025

Loại tài sản cố định: Quyền sử dụng đất

STT	Chứng từ		Ghi tăng tài sản cố định						Khấu hao, hao mòn tài sản cố định						Ghi giảm TSCĐ			
	Số hiệu	Ngày, tháng	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng ở đơn vị	Số hiệu TSCĐ	Thẻ TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Hao mòn		Tổng số khấu hao, hao mòn phát sinh trong năm	Giá trị khấu hao, hao mòn lũy kế	Chứng từ		Lý do ghi giảm TSCĐ	Giá trị còn lại của TSCĐ
									Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị			Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	D	E	G	H	I	I	2	3	4	5	6=3+5	7	K	L	M	8
1	GT0069	01/07/2025	Đất chợ Bống (Cũ)		07/2025		T28297031	97.176.240.000										
2	GT0045	01/07/2025	Đất chợ bóng (Moi)		07/2025		T2897031	91.946.340.000										
3	GT0046	01/07/2025	Chợ Rông		07/2025		T2897032	4.780.000.000										
Cộng								193.902.580.000										

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1
- Ngày mở sổ:

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, họ tên)

Vũ Thị Út

KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

Vũ Thị Út

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sơn